



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TÂN VĂN
Last Middle First

Current Address 31 Phan Đình Phùng Biên Hòa ĐÔNG NAI VN

Date of Birth 8.30.28 Place of Birth Mỹ Tho

Previous Occupation (before 1975) Lieut. Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 5/3/1975 To 5/15/1984

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
POLITICAL PRISONERS ASSOC
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TAN VAO
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1- TRUONG KIEM HOA	1930	Wife
2. NGUYEN TAN PHONG	1958	son
3 NGUYEN THI KIM LOAN	1959	daughter
4. NGUYEN THI KIM CHAU	1960	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại Thái Đức
Số 474 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2305 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--

SNSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 274 ngày 24 tháng 4 năm 1984
của Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN TẤN VĂN Sinh năm 1928

Các tên gọi khác

Nơi sinh Tiền Giang

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 29 Phan Đình Phùng, TX Biên Hòa, Đồng Nai

Cán tội Trùng tấu tham mưu phủ hành quân

Bị bắt ngày 3-5-75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tống án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 29 Phan Đình Phùng, TX Biên Hòa, Đồng Nai

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy, học tập và lao động tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng.

- Tiền đi đường đã cấp đủ.

SAO Y BẢN CHÍNH

Số 5749/C.V

Ngày 10/7/80

PHÒNG TƯ PHÁP TYP BIÊN HÒA

F. TRƯỞNG PHÒNG



Đương sự phải trình đi tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 18 tháng 5 năm 1984

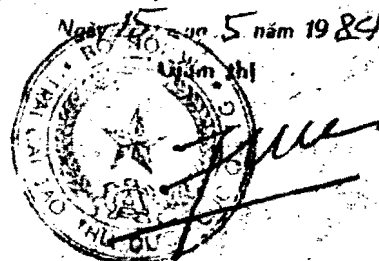
Lần tay nộp trở phí
của Nguyễn Tấn Văn

Danh biên số

Lưu tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Văn



APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEES
TO THE DIRECTOR, THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
127 PHANCAPHUM: SOUTH SATHORN ROAD BANGKOK 10120

THAILAND

Subject: Request for Immigration to the United States of America
Under the Orderly Departure Program.

Dear Sir,

1. I the undersigned: NGUYỄN-TẤN VĂN
2. Regimental number: 48A/104.172
3. Date and Country of birth: 30/8/1928 MY-THO (South VIETNAM)
4. Nationality: VIET-NAM
5. Religion: None
6. Sex: Male Male Female: None
7. Family Status: Military
8. Home address: 31 Phan-dinh-Phung street, Bien Hoa Town (DONG NAI)
9. Military Education: High command - Staff Course
10. Job title/grade: Deputy Chief-Staff operation and logistic / Lieutenant Colonel
11. Armed forces Branch of service: Logistic branch
12. Unit: 5TH Infantry Division
13. Place worked: Lai-Khe (Ben Cat) Binh Duong province
14. Civilian Education: High school
15. Civilian Occupation: Teacher
16. Travel/Education outside Viet Nam: None
17. US closest relative: None
18. US Acquaintance: Colonel Miller, Division Advisor; Major Snogzass
19. After April 30, 1975 spent in reeducation 09 years 64 months: 12 days
20. Reference: Released No 474, Thut Duc Camp, Date: May 15, 1984

Due to the difficulty of my situation, and based on the authority of your Organisation and the spirit of the Humanitarian et, I wish to request your assistance and your Intervention with the Government of the Socialist Republic of Viet-Nam in order that I and all my family's members may be authorized to leave Viet Nam. Under your arrangement and protection through the ODP and the immigrate to the United States of America for the purpose of seeking a new life.

Following is our full list:

FULL NAME	SEX	YEAR OF BIRTH	MARRIED	RELATIONSHIP	ADDRESS
1. Nguyễn tấn Văn	M	1928	(Yes) No		31 Phan dinh Phung
2. Trương Kiêm Hoa	M	1930	(Yes) No	WIFE	Street, Bien Hoa Town,
3. Nguyễn tấn Phong	M	1958	Yes (No)	Son	Dong Nai province
Nguyễn thị Kim Loan	M	1959	Yes (No)	daughter	(South VIETNAM)
Nguyễn thị Kim Châu	M	1960	Yes (No)	daughter	"
"	M/F		Yes/No		

We would be deeply grateful to you for hearing from you soon. Respectfully and Thankfully yours.

SAIGON

Signature of Application.

ENCLOSURES:

VAN

NGUYỄN-TẤN VĂN

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL

PRISONER IN VIET NAM

Bảng câu hỏi cho Cựu Tù Nhân Chính Trị ở Việt Nam

I.— BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIET NAM :

(Lý lịch căn bản về người đứng đơn).

1. Full name :
(Tên họ đầy đủ) VAN NGUYỄN-TẤN
2. Date and place of birth :
(Ngày và nơi sanh) August 30, 1928 MYTHO (South VIET NAM)
3. Position :
(Chức vụ) Deputy Chief-staff
— Rank :
(Cấp bậc) Lieutenant-Colonel
— Serial number :
(Số quân) 48^A/104.172
— Military Unit :
(Đơn vị trong quân đội) 5TH INFANTRY DIVISION
4. Months, dates, year of Arrested :
(Ngày tháng năm bị bắt) May 3, 1975
5. Months, dates, year out camps :
(Tháng ngày năm xuất trại) May 15, 1984
6. Present mailing address of Ex P.P :
(Địa chỉ gửi thư của Cựu tù nhân chính trị) _____
7. Current Address : Phan-dinh Phung Street, 31, Bien Hoa Town
(Địa chỉ hiện nay) DONG NAI PROVINCE (South VIET NAM)

II.— LIST OF GDP AND POB OF EX P. PIMMEDIATELY FAMILY AND FATHER, MOTHER:

A. RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX P.P TO BE CONSISTED FOR US COUNTRY.

NAME (Họ và tên)	DOB (Ngày sinh)	POB (Nơi sinh)	SEX (Nam nữ)	MARRIED (Có gia đình) SINGLE (Độc thân)	RELATIONSHIP (Liên hệ gia đình)
TRUONG KIEM HOA	1930	MYTHO	Female	MARRIED	WIFE
NGUYEN TAN PHONG	1958	DINH TUONG	Male	Single	SON
NGUYEN THI KIM LOAN	1959	VUNGTAU	Female	Single	Daughter
NGUYEN THI KIM CHAU	1960	VUNGTAU	Female	Single	Daughter

B. COMPLETED FAMILY LISTING (LIVING, DEAD) OF EX P.P

(Bảng danh sách đầy đủ gia đình (sống, chết) của Cựu tù nhân chính trị)

- Father :
(Cha) NGUYEN-TAN NGU (Dead)
- Mother :
(Me) CHAU-THI-LEU (Dead)
- Wife :
(Vợ) TRUONG-KIEM-HOA
- Children : 1/ NGUYEN-TAN VIET 2/ NGUYEN-TAN PHAT 3/
(Các con) NGUYEN-THI KIEM CUONG (DEAD) 4/ NGUYEN-THI
KIEM-NGAN 5/ NGUYEN-TAN PHONG 6/ NGUYEN-THI
KIM-LOAN 7/ NGUYEN-THI KIM-CHAU

— Siblings:

(Anh em) 1/ NGUYỄN-TẤN QUAN

2/ NGUYỄN-TẤN KỶ

3/ NGUYỄN-TẤN TRĂNG

III.— RELATIVES OUTSIDE OF VIETNAM:

Thân nhân ở ngoài nước Việt Nam

A. CLOSEST RELATIVES IN U.S.

Thân nhân gần nhất ở Hoa Kỳ.

B. CLOSEST RELATIVES IN OTHER COUNTRY:

Thân nhân gần nhất ở các nước khác.

IV.— HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW?

Cho đến nay bạn đã có nộp đơn xin đoàn tụ Gia đình không?

— Have you?

Yes:

No:

No

Bạn có?

Có

Không

— Reply from Bangkok ODP (LQI)

Yes:

No:

No

Trả lời của ODP ở Bangkok (Thư giới thiệu)

V.— COMMENT — REMARK:

Bình phẩm — Nhận xét:

VI.— LISTING OF DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

Bảng ghi các tài liệu đính kèm theo Bảng câu hỏi này

— Marriage Certificate:

(Hôn thú)

01 MARRIAGE CERTIFICATE OF NGUYỄN-TẤN VĂN

— Birth Certificate of all family:

(Khai sinh của gia đình)

04 BIRTH CERTIFICATE OF TRƯỜNG KIẾN HOA, NGUYỄN-TẤN PHONG, NGUYỄN

— Photo:

THI KIM-LOAN, NGUYỄN-THI KIM-CHAU

(Hình)

05 PHOTOS OF VĂN, HOA, PHONG, LOAN, CHAU

— Photocopy of Released Certificate:

01

(Bản sao giấy ra trại)

DATE: BIÊN-HOÀ, November 3, 1988
(Ngày)

SIGNATURE:

(Ký tên)

VAN

NGUYỄN-TẤN VĂN

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

THỊ XÃ MỸ-THO

Phường ///

Số hiệu 1002



TRÍCH-LỤC KHAI-SANH

Lập ngày 22 tháng 8 năm 1970

Tên họ đứa trẻ : TRƯƠNG-KIỆM-HOÀ

Trai hay gái : Gái

Ngày sanh : Le 20 Août 1970

Nơi sanh : Maternité Biều-Hòa

Tên họ cha : TRƯƠNG-VĂN-THỜI

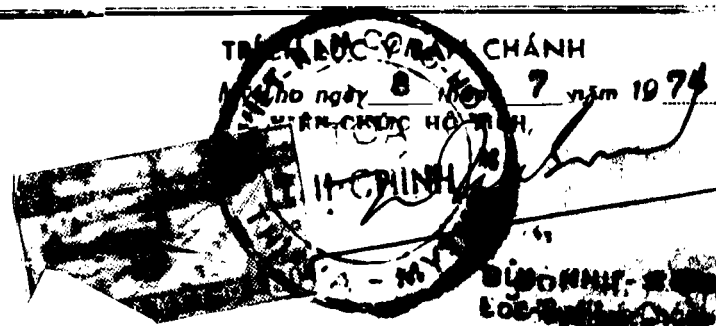
Tên họ mẹ : PHẠM-THỊ-CHƠ

Vợ chánh hay không //

có hôn thú

Tên họ người khai : NGUYỄN-THỊ-THỂ

H.T.H.4b



CHỨNG-CHỈ TẠI-NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

QUÂN-ĐOÀN III

SƯ-ĐOÀN 5 BỘ-BÌNH

BỘ THAM-MƯU - PHÒNG TỔNG-Q-T

Số: 17.670/ P.TQT.

CHỨNG NHẬN



Họ và tên : NGUYỄN - TÂN - VÂN

Cấp-bậc : Trang-Tá

Số-quân : 48/104.172

Ngày và nơi sinh : 30/8/1928 tại MỸ - THO

Tên cha : NGUYỄN - TÂN - NGHĨ (chết)

Tên mẹ : CHÂU - THỊ - LÊ

Ngày nhập-ngũ : 09/10/1951

Thời gian gián-đoạn công-vụ : KHÔNG

Hiện đang tại ngũ và phục-vụ tại : 12A/305BB - KBC. 4.287

Lý-do :

Đã nạp vào hồ-sơ xin miễn-dịch cho EM.

KBC. 4.287, ngày 13 tháng 10 năm 1969

TL. Tham-Mưu NGUYỄN-VĂN-HIỆU

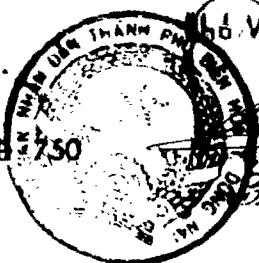
Tư-Lệnh SB511, Kiêm Tư-Lệnh Khu 32/CT

Đại-Tá PHÙNG-XUÂN-MAI

Tham-Mưu Trưởng

SAO-Y RĂNG CHẤM
Ngày 04 tháng 11 năm 1988
TƯ LƯU H. THANH PHỐ DIỄN HÒA
QUANG VĂN - PHÒNG

QUANG VĂN - PHÒNG



MAU
24-6

SB 750

Pho Văn Lầu

LẤY TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH LĂNG-HỒ MỸ (HỖ-THO).
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-Phân)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1954
(Année)

SỐ THẺ 50.-
(Acte No)



Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-Tấn-Thông
Giới tính. (Sexe de l'enfant)	Nam
Ngày sinh. (Date de naissance)	Ngày 9 tháng 3 đl. năm 1958
Địa điểm sinh. (Lieu de naissance)	Phủ-Mỹ, Định-Tướng
Tên, họ cha. (Nom et prénom du père)	Nguyễn-Tấn-Văn
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Trung-ủy Việt-Nam Cộng-Hòa
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Phủ-Mỹ, Định-Tướng
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Trương-Kim-Hoa
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Hội trợ
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Phủ-Mỹ, Định-Tướng
Vợ chồng hay vợ thối. (Son rang, de femme mariée)	Vợ chính.-

Chúng tôi, LÊ XUÂN KINH
(Nous)

Chủ-ân Tòa HỖ-THO
(Président du Tribunal)

Chúng tôi hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông LÊ VĂN CHANH
(M)

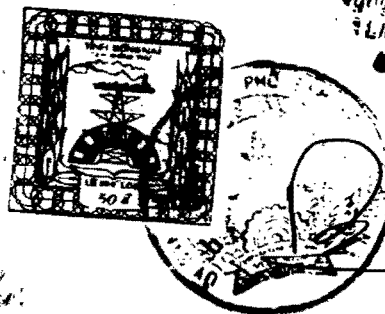
Chánh-Lục-sự Tòa-án sơ-tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

HỖ-THO, ngày 16/8/1961
CHANH-ÂN,
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme).

HỖ-THO, ngày 16/8/1961
CHANH-LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF).

Giá tiền: 5.000
(Cout)
Biên-lai số 11.657
(Quittance no)



SỞ Y-BÁNH-CHINH
Ủy ban Quản lý
LIU-MY, THA-XU-PHỐ-BIÊN-HÒA
QUẢN XẢN-Phòng
PHỐ VĂN-Phòng

Thủ-Tôn-Lập

NVM/7b.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
Republique du Việt-Nam
TỐI CAO PHÁP-VIỆN
(Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA Sơ Thẩm Phước Tuy
GREFFE DU TRIBUNAL DE

IẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Vũng Tàu

Phước Tuy

(NAM PHẦN)
(Sud Việt-Nam)

NĂM 1959
(Année)

SỐ HIỆU 281
(Acte No)



(Xin xem IỐ
cước phía
sau)

Tên, họ đứa con nít
(Nom et prénom de l'enfant)
Nam, nữ
(Sexe de l'enfant)
Sinh ngày nào
(Date de naissance)
Sinh tại chỗ nào
(Lieu de naissance)
Tên, họ cha
(Nom et prénom du père)
Chức làm nghề gì
(Sa profession)
Nhà ở ở đâu
(Son domicile)
Tên, họ mẹ
(Nom et prénom de la mère)
Mẹ làm nghề gì
(Sa profession)
Nhà ở ở đâu
(Son domicile)
Vợ chánh hay thứ
(Son rang de femme mariée)

NGUYỄN THỊ KIM LOAN

Gái

Born, tháng tư, năm một ngàn chín
trăm năm mươi chín.

Bảo sanh viện "Lê Lợi" Vũng Tàu

Nguyễn tấn Văn

Quản Trưởng

Quận Cần Giờ Phước Tuy

Trương kim Hoa

Nội trợ

Quận Cần Giờ Phước Tuy

Vợ chánh

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp - pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án Sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal)

, ngày 19

CHÁNH-ÁN
(LE PRÉSIDENT)

Giá tiền: 15\$00

(Cout)

Biên-lai số 4330

(Quittance No)

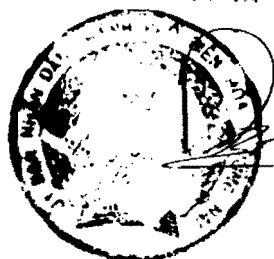
Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Phước Tuy, ngày 25-9-1972

K.T. CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Lưu

SAO Y BẢNG HÀNH
Ngày 05/10/1972
TUYÊN BỐ CÔNG CHỨNG
CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG



Họ Tên Lưu

Nguyễn văn Long

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{re} INSTANCE DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN THỦ NẤM

Extrait du registre des actes de mariage de l'année

LÀNG

du village de

TỈNH

Province de

(BỤC
degré)

(NAM-PHÂN)
(Sud Viet-Nam)

Năm
Année

Số hiệu
Acte No

Kim-Sơn Công-Ty 3-73

Tên, họ người chồng Nom et prénom de l'époux	Nguyễn Văn-Văn
Sinh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Phú-Mỹ, Mỹ Tho
Sinh ngày nào Date de la naissance	30-Août 1928
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Nguyễn-Tân-Ngài (s)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom de la mère de l'époux (indiquer si elle est vivante ou décédée)	- Châu-Thị-Bà (s)
Tên, họ người vợ Nom et prénom de l'épouse	Trương Thị-Thảo
Vợ chánh hay vợ thứ Son rang de femme mariée	vợ chánh
Sinh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Phú-Mỹ, Mỹ Tho
Sinh ngày nào Date de la naissance	Le 20 Août 1930
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Trương-Văn-Thới (s)
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom de la mère de l'épouse (indiquer si elle est vivante ou décédée)	Trần-Thị-Tho (s)
Ngày kết hôn Date de mariage	Le 10 Octobre 1949

Trích y bản chính
Pour extrait conforme

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 03 tháng 11 năm 1991
CHUYÊN VI PHƯƠNG
PHÓ VĂN PHÒNG

Ngày 29/10
CHÁNH LỤC-SỰ
LE GREFFIER EN CHEF
của chủ.



Phó Văn Li

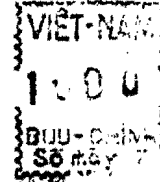
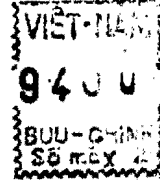
Quản-văn-đ

Giá tiền
Cost
Biên lai số
Quittance No

From: NG. TÂN VĂN, 31 Phan đình Phùng, Biên Hòa (ĐÔNG NAM) VIỆT NAM

R

8 7 6



23 1988

MÁY BAY
PAR AVION

To: M. NGUYỄN-VĂN GIỎI

To Mrs. Khúc-minh THƯ

P.O. Box. 5435

Arlington, VA 22205-0635

U.S.A.

Chưa xem

5/12

đạt